Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3815.12.00

Mã HS	3815.12.00
Mô tả hàng hóa	Các chất khơi mào phản ứng, các chất xúc tiến phản ứng và các chế phẩm xúc tác, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Chất xúc tác có nền: / - - Chứa kim loại quý hoặc hợp chất kim loại quý như chất hoạt tính
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 04:30:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38151200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5462
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5462
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5462
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5321
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5282
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5282
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5282
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5282
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5282
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5282
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5326
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5326

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5326
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5326
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5326
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5326
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5324
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5324
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5324
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5324
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5324
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5324
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5326
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5288
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5284
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5284
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5284
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5284
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5284
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5284
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5293
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5293
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5293
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5293
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5293
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5293
VCFTA	2022	2022	3	VC!D5334
VCFTA	2023	2023	3	VC!E5334

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5334
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5334
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5334
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5334
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5335
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5335
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5335
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5335
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5335
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5335
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5338
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5338
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5338
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5338
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5338
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5338
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5307
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5307
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5307
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5307
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5307
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5307
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5309
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5309
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5309
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5309

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5309
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5309
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5307
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5307
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5307
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5307
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5307
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5307
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5307
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5328
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5328
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5328
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5328
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5328
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5328
RCEP B	2022	2022	0	B!D5328
RCEP B	2023	2023	0	B!E5328
RCEP B	2024	2024	0	B!F5328
RCEP B	2025	2025	0	B!G5328
RCEP B	2026	2026	0	B!H5328
RCEP B	2027	2027	0	B!I5328
RCEP C	2022	2022	0	C!D5328
RCEP C	2023	2023	0	C!E5328
RCEP C	2024	2024	0	C!F5328
RCEP C	2025	2025	0	C!G5328
RCEP C	2026	2026	0	C!H5328

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5328
RCEP D	2022	2022	0	D!D5328
RCEP D	2023	2023	0	D!E5328
RCEP D	2024	2024	0	D!F5328
RCEP D	2025	2025	0	D!G5328
RCEP D	2026	2026	0	D!H5328
RCEP D	2027	2027	0	D!I5328
RCEP E	2022	2022	0	E!D5331
RCEP E	2023	2023	0	E!E5331
RCEP E	2024	2024	0	E!F5331
RCEP E	2025	2025	0	E!G5331
RCEP E	2026	2026	0	E!H5331
RCEP E	2027	2027	0	E!I5331
RCEP F	2022	2022	0	F!D5328
RCEP F	2023	2023	0	F!E5328
RCEP F	2024	2024	0	F!F5328
RCEP F	2025	2025	0	F!G5328
RCEP F	2026	2026	0	F!H5328
RCEP F	2027	2027	0	F!I5328
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F4906
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G4906
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H4906
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I4906

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3815.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 3815.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5462), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.